

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 30

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh mì sandwich thịt heo, cà chua, nấm mèo, hành lá, ngô rí
- NT nhóm 2: Cháo thịt băm cà rốt
- Uống sữa Netsure
Trưa:
CS1: Buffet trưa
- Cơm nắm rau củ
- Đùi gà + thịt gà xốt me, tỏi
- Trứng cuộn rau củ
- Súp thịt bò
- Cà rốt, su su luộc
CS2: Cơm trắng
- Đùi gà chiên sốt me, tỏi, hành lá
- Canh bầu nấu thịt bò, hành lá, ngô rí
- Su su, cà rốt luộc
Xế: Nước sâm, Pudding trứng sữa
Xế chiều: Cháo cá basa nấm rom, khoai mỡ, mồng tơi, hành phi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
2	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
3	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
5	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
6	N0966	Muối lot	200	740	1,480
7	0002	Gạo nếp (loại thường)	300	3,050	9,150
10	0211	Nấm rom	100	14,180	14,180
11	0751	Khoai mỡ	200	5,040	10,080
12	0163	Rau mồng tơi	100	5,040	5,040
13	0436	Cá basa (phi lê)	400	13,550	54,200
14	0087	Cà chua	400	7,670	30,680
15	N0770	Thịt nạc dăm	400	17,850	71,400
16	0708	Bánh mì sandwich	1,000	6,050	60,500
17	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
18	0120	Hành lá (hành hoa)	100	8,400	8,400
19	0164	Rau mùi (ngô rí)	50	8,930	4,465
21	0649	Bột năng	200	4,675	9,350
22	0007	Ngô bắp tươi	200	4,200	8,400
23	0085	Bí đỏ (bí ngô)	200	4,520	9,040
24	0089	Cà rốt	400	5,670	22,680
26	0451	Trứng gà công nghiệp	120	7,333.3	8,800
27	0147	Quả me chua	50	4,940	2,470

29	N0879	Nước cốt dừa	100	11,430	11,430
30	N0852	Bột rau câu dừa	10	57,200	5,720
31	0223	Dừa hấu	500	2,310	11,550
32	N0909	Nước sâm	500	2,630	13,150
33	0370	Thịt gà công nghiệp (đùi)	1,100	14,390	158,290
34	0286	Thịt bò loại II	300	36,750	110,250
35	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	100	9,770	9,770
36	0027	Củ sắn (khoai mì)	200	2,520	5,040
37	0443	Trứng vịt	400	6,750	27,000
38	N0772	Thịt ức gà	1,300	12,920	167,960
39	0457	Sữa bột toàn phần	575.73	20,500	118,025
40	0646	Bánh pudding	320	11,800	37,760
41	0207	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	20	16,500	3,300
42	0083	Bầu	600	4,730	28,380
Tổng cộng					1,110,000

Tổng tiền thực phẩm	1,110,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,110,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	14,615,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	14,615,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan